

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 20 /MHC

V/v: "BCTC năm 2016 đã được kiểm toán
- Hợp nhất"

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Mã chứng khoán: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 10, Tòa nhà VINATEA, Số 92, đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 043.5770810

Fax: 043.5770814

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lan Anh

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Vinatea, 92 Võ Thị Sáu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04 35770810

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán - Hợp nhất

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/03/2017 tại đường dẫn www.marinahanoi.com.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính năm 2016
đã được kiểm toán - Hợp nhất

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Lan Anh



Công ty Cổ phần MHC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần MHC
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh số 056428 ngày 19 tháng 11 năm 1998

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 19 tháng 11 năm 1998. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 24 lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100793715 ngày 26 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Đặng Tiến Thành Ông Đỗ Hồng Thái Ông Phạm Văn Nguyên Ông Nguyễn Công Tuấn Ông Dương Phi Hùng Ông Lê Bá Thọ Ông Đỗ Hoàng Phương	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 14/4/2016) Thành viên (từ ngày 14/4/2016) Thành viên (đến ngày 13/4/2016) Thành viên (đến ngày 13/4/2016)
Ban Giám đốc	Ông Đặng Tiến Thành Ông Nguyễn Công Tuấn	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 4/1/2016)
Ban Kiểm soát	Ông Đặng Xuân Quang Bà Nguyễn Thúy Nga Bà Lê Thị Huyền Trang	Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	Tầng 10, tòa nhà VINATEA, số 92, đường Võ Thị Sáu Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng Thành phố Hà Nội Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



Công ty Cổ phần MHC
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần MHC (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “MHC”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của MHC tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MHC cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng MHC sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Dương Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

042
G T
EMH
M
M



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần MHC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần MHC (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “MHC”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của MHC tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-173/4



Trần Đình Vĩnh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0339-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **27-03-2017**

Phạm Huy Cường

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2675-2014-007-1



	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		442.304.176.937	386.901.163.325
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	11.499.679.326	6.421.750.862
Tiền	111		3.882.457.991	2.679.867.803
Các khoản tương đương tiền	112		7.617.221.335	3.741.883.059
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		402.434.599.488	186.001.245.698
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	434.770.535.927	187.180.257.678
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(33.035.936.439)	(1.179.011.980)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		700.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.780.039.398	192.074.999.552
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	13.117.769.382	14.147.224.635
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		204.799.909	258.450.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	19.040.973.534	188.568.315.511
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(9.583.503.427)	(10.898.990.594)
Hàng tồn kho	140		275.000	899.000
Hàng tồn kho	141		275.000	899.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.589.583.725	2.402.268.213
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		280.701.545	391.679.714
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14(a)	1.591.362.829	1.436.516.346
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14(a)	3.717.519.351	574.072.153

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần MHC

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (Phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 250 + 260)	200		72.792.251.722	75.998.779.486
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10	10.000.000.000	10.000.000.000
Tài sản cố định	220		5.601.667.922	5.061.666.899
Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.855.174.122	4.315.173.099
<i>Nguyên giá</i>	222		18.481.869.253	17.342.933.764
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(13.626.695.131)	(13.027.760.665)
Tài sản cố định vô hình	227		746.493.800	746.493.800
<i>Nguyên giá</i>	228		746.493.800	746.493.800
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230	12	28.868.941.263	30.417.659.547
<i>Nguyên giá</i>	231		38.530.325.770	38.530.325.770
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(9.661.384.507)	(8.112.666.223)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	28.319.142.537	30.507.453.954
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		4.440.870.137	25.032.223.754
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		23.878.272.400	5.475.230.200
Tài sản dài hạn khác	260		2.500.000	11.999.086
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	9.499.086
Tài sản dài hạn khác	268		2.500.000	2.500.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		515.096.428.659	462.899.942.811

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		30.237.771.981	22.351.981.240
Nợ ngắn hạn	310		29.983.091.932	21.294.658.144
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	9.522.706.440	7.158.381.332
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		183.012.792	1.379.442.960
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(b)	211.928.757	4.545.406.107
Phải trả người lao động	314		2.753.717.457	2.239.770.341
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.662.299.369	2.677.584.961
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		10.909.089	10.909.090
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	2.410.458.622	2.417.035.149
Vay ngắn hạn	320	17	11.828.331.202	762.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		399.728.204	104.128.204
Nợ dài hạn	330		254.680.049	1.057.323.096
Phải trả dài hạn khác	337		254.680.049	286.223.096
Vay dài hạn	338	17	-	771.100.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		484.858.656.678	440.547.961.571
Vốn chủ sở hữu	410	18	484.858.656.678	440.547.961.571
Vốn cổ phần	411	19	327.352.100.000	271.109.080.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		327.352.100.000	271.109.080.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	18	28.614.580.000	28.679.580.000
Cổ phiếu quỹ	415	19	(1.200.000)	(1.200.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	8.712.225.710	8.712.225.710
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	120.180.950.968	132.048.275.861
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		60.544.318.861	19.625.392.173
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		59.636.632.107	112.422.883.688
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		515.096.428.659	462.899.942.811

Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Lê Thị Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đặng Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần MHC
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	71.926.062.890	68.019.291.013
Giá vốn hàng bán	11	24	62.760.955.468	61.282.069.811
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		9.165.107.422	6.737.221.202
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	127.675.384.115	81.461.639.409
Chi phí tài chính	22	26	46.116.465.249	13.730.031.866
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.274.581.890	1.177.278.572
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.332.963.508)	46.473.244.200
Chi phí bán hàng	25		3.830.909	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	8.492.270.819	6.916.494.287
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		80.894.961.052	114.025.578.658
Thu nhập khác	31		629.363.458	897.535.645
Chi phí khác	32		48.825.007	(3.374.912.784)
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		580.538.451	4.272.448.429
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		81.475.499.503	118.298.027.087
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	21.838.867.396	5.875.143.399
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		59.636.632.107	112.422.883.688
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.845	3.929

Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Lê Thị Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đặng Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	81.475.499.503	118.298.027.087
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	2.147.652.750	2.157.403.042
Các khoản dự phòng	03	31.834.766.506	1.277.436.047
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	45.913.390	(60.256.240)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(115.371.245.535)	(116.951.999.815)
Chi phí lãi vay	06	2.274.581.890	1.177.278.572
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.407.168.504	5.897.888.693
Biến động các khoản phải thu	09	(4.392.522.936)	43.797.685.585
Biến động hàng tồn kho	10	624.000	2.499.500
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	4.410.217.974	(19.802.564.071)
Biến động chi phí trả trước	12	120.477.255	591.350.891
		2.545.964.797	30.486.860.598
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.607.194.892)	(3.947.197.163)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.346.671.543)	(595.851.745)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(54.400.000)	(54.454.546)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(27.462.301.638)	25.889.357.144
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.138.935.489)	(3.509.918.182)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	-	145.454.545
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(426.144.888.333)	(60.000.000.000)
Tiền thu hồi bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	130.001.430.000	60.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(363.017.493.269)	(376.051.585.322)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	685.319.321.559	208.509.344.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	12.289.784.311	24.477.235.039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	37.309.218.779	(146.429.469.920)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	13.490.390.000	140.231.610.000
Tiền thu từ đi vay	33	104.305.395.033	42.513.388.889
Tiền trả nợ gốc vay	34	(94.010.163.831)	(57.780.288.889)
Tiền trả cổ tức	36	(28.554.658.950)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.769.037.748)	124.964.710.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	5.077.879.393	4.424.597.224
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	6.421.750.862	1.996.964.408
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	49.071	189.230
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	11.499.679.326	6.421.750.862

Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Lê Thị Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đặng Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần MHC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “MHC”) và các lợi ích của MHC trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

(b) Hoạt động đăng ký

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký doanh nghiệp, các hoạt động kinh doanh của MHC bao gồm:

- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa, đại lý hàng hải;
- Lai dắt tàu biển;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy; và
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động tạo doanh thu chính của MHC trong năm bao gồm cung cấp dịch vụ vận tải, cho thuê văn phòng, hoạt động đầu tư và hợp đồng hợp tác kinh doanh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của MHC nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc của MHC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, MHC có 2 công ty con và 2 công ty liên doanh, liên kết (1/1/2016: 1 công ty con và 3 công ty liên doanh, liên kết) như sau:

	% sở hữu và quyền biểu quyết	
	31/12/2016	1/1/2016
▪ Công ty con		
• Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	100%	100%
• Công Ty TNHH Đầu Tư Marina	100%	-
▪ Công ty liên doanh, liên kết		
• Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam (*)	51%	51%
• Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	45,05%	45,05%
• Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	-	24%

(*) MHC sở hữu 51% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” thay vì “Đầu tư vào các công ty con”.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, MHC có 75 nhân viên (1/1/2016: 76 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của MHC là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của MHC là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được MHC áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của MHC. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết là những công ty mà MHC có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà MHC được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của MHC, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà MHC phải chia sẽ vượt quá lợi ích của MHC trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà MHC có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của MHC tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi MHC thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được MHC nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của MHC dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của MHC khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

MHC áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

MHC tham gia BCC theo thỏa thuận chia lợi nhuận phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC. Theo đó, các bên tham gia trong BCC phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế. Bên kế toán và quyết toán thuế này phải áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong năm, đồng thời cung cấp bằng chứng về việc quyết toán thuế cho các bên khác. Các bên khác (bên không kế toán và quyết toán thuế) phải ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần mình được chia từ BCC, báo cáo cơ quan thuế về việc khoản doanh thu, chi phí này đã được thực hiện nghĩa vụ thuế làm căn cứ điều chỉnh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- dụng cụ văn phòng 3 năm
- phương tiện vận chuyển 5 – 10 năm

(i) **Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình của MHC là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(j) **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi MHC. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 25 năm

(k) **Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, MHC có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(ii) Doanh thu từ bán chứng khoán

Doanh thu từ bán chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa lãi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

MHC trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của MHC (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của MHC tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của MHC là dựa theo bộ phận hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của MHC nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi MHC và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

MHC gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động đầu tư: Các hoạt động về đầu tư chứng khoán, góp vốn đầu tư và gửi tiền.
- Hoạt động vận tải: Các hoạt động vận chuyển hàng hóa.
- Hoạt động khác: Các hoạt động cho thuê văn phòng, kho bãi, phương tiện vận tải.

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Hoạt động đầu tư		Hoạt động vận tài		Hoạt động khác		Tổng	
	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND
Doanh thu của bộ phận	126.342.420.607	127.934.883.609	56.101.382.064	63.903.248.485	15.824.680.826	4.116.042.528	198.268.483.497	195.954.174.622
Chi phí của bộ phận	(46.116.465.249)	(13.730.031.866)	(48.324.695.289)	(54.334.377.363)	(14.436.260.179)	(6.947.692.448)	(108.877.420.717)	(75.012.101.677)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	80.225.955.358	114.204.851.743	7.776.686.775	9.568.871.122	1.388.420.647	(2.831.649.920)	89.391.062.780	120.942.072.945
Chi phí không phân bổ							(8.496.101.728)	(6.916.494.287)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							80.894.961.052	114.025.578.658
Thu nhập khác							629.363.458	897.535.645
Chi phí khác							(48.825.007)	3.374.912.784
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(21.838.867.396)	(5.875.143.399)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							59.636.632.107	112.422.883.688
Tài sản bộ phận	440.228.825.358	216.508.699.652	14.828.282.450	14.315.173.099	28.868.941.263	30.417.659.547	483.926.049.071	261.241.532.298
Tài sản không phân bổ							31.170.379.588	201.658.410.513
Tổng tài sản							515.096.428.659	462.899.942.811
Nợ phải trả bộ phận	152.109.589	-	-	-	30.085.662.392	22.351.981.240	30.237.771.981	22.351.981.240
Tổng nợ phải trả							30.237.771.981	22.351.981.240

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

MHC hoạt động ở một khu vực địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	207.858.842	270.237.325
Tiền gửi ngân hàng	3.674.599.149	2.409.630.478
Các khoản tương đương tiền (*)	7.617.221.335	3.741.883.059
	<hr/>	<hr/>
	11.499.679.326	6.421.750.862
	<hr/>	<hr/>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 3 tháng với lãi suất 5,2%/năm (1/1/2016: kỳ hạn 1 tháng với lãi suất từ 4,4% đến 5,1%/năm).

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	Mã chứng khoán	31/12/2016	1/1/2016		
		Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng cổ phiếu
					Giá gốc VND
					Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu niêm yết					
	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	1.650.000	15.001.100.000	530.600.000	1.500.000
	Công ty CP cao su sao vàng	194.288	5.109.517.410	1.728.906.210	-
	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	-	-	-	450.000
	Công ty Cổ phần Transimex – Sài Gòn	2	58.355	-	2
	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	-	-	3.239.060
	Công ty Cổ phần Hải Minh	-	-	-	99
	Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	5.000	350.000.000	-	5.000
Cổ phiếu chưa niêm yết					
	Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM (*)	6.702.510	68.866.401.829	20.876.430.229	4.969.710
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia (*)	1.500.000	30.000.000.000	9.900.000.000	-
	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	-	-	2.000.000
Chứng quyền					
	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (**)	400	20.000.000.000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết					
	Công ty TNHH Thiết Bị và Xây Lắp Huy Hoàng (***)	185	185.442.458.333	-	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (****)	1.100	110.001.000.000	-	-
			434.770.535.927	33.035.936.439	187.180.257.678
					1.179.011.980

Công ty Cổ phần MHC
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các cổ phiếu do MHC nắm giữ được lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán IB. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, một số chứng khoán kinh doanh (cổ phiếu niêm yết) của MHC với giá gốc tổng cộng là 20.461 triệu VND đã được MHC thế chấp để thực hiện vay ký quỹ (Thuyết minh 17) (1/1/2016: Không có).

(*) MHC trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh theo giá bình quân tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom).

(**) Chứng quyền do Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành. Mỗi chứng quyền được chuyển đổi thành 50.000 cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(***) Trái phiếu phát hành ngày 29 tháng 6 năm 2016 có mệnh giá 1 tỷ VND, kỳ hạn 5 năm với lãi suất 10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định dựa trên lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trung bình của 4 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở giao dịch 1) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch) tại mỗi ngày xác định lãi suất cộng biên độ 3,5%/năm. Mỗi trái phiếu được đảm bảo bởi 62.500 cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thiết Bị và Xây Lấp Huy Hoàng.

(****) Trái phiếu phát hành ngày 29 tháng 12 năm 2016 có mệnh giá 100 triệu VND, kỳ hạn 3 năm với lãi suất 10,5%/năm cho hai kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định dựa trên lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trung bình của 4 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở giao dịch 1) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch) tại mỗi ngày xác định lãi suất cộng biên độ 3,5%/năm. Mỗi kỳ tính lãi là 6 tháng. Các trái phiếu được đảm bảo bởi 6.554.834 cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, 2.846.200 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly và 11.022.288 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện.

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và góp vốn vào đơn vị khác

Hoạt động kinh doanh chính	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2016		1/1/2016	
			Giá gốc VND	Giá trị thuần theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND	Giá trị thuần theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam (i)		51%	1.734.000.000	2.153.002.717	1.734.000.000	3.530.479.041
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội	270.300	45,05%	2.703.000.000	2.287.867.420	2.703.000.000	2.325.744.713
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	-	-	-	-	1.128.000	19.176.000.000
			4.437.000.000	4.440.870.137	23.613.000.000	25.032.223.754
Góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn	1.930.500	16,5%	23.878.272.400	23.878.272.400	542.102	5.475.230.200
			28.315.272.400	28.319.142.537	29.088.230.200	30.507.453.954

(i) MHC sở hữu 51% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” thay vì “Đầu tư vào công ty con”. Ngày 23 tháng 6 năm 2016, Hội đồng Quản trị MHC đã phê duyệt kế hoạch thanh lý toàn bộ khoản đầu tư này. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, MHC chưa hoàn thành việc thanh lý khoản đầu tư.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	5.516.183.019	5.516.183.019
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải Dương Đông	-	1.938.228.647
Công ty TNHH Cảng Hải An	1.270.686.460	1.653.415.071
Các khách hàng khác	6.330.899.903	5.039.397.898
	13.117.769.382	14.147.224.635

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.769.643.838	3.555.106.308
Đặt cọc mua chứng khoán thông qua công ty quản lý quỹ	-	80.000.000.000
Đặt cọc mua cổ phần của các công ty chưa niêm yết	-	50.250.000.000
Đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia	-	30.000.000.000
Đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn	-	18.403.042.200
Lãi trái phiếu, tiền gửi phải thu	9.475.083.333	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.149.229.022	1.083.880.640
Phải thu khác	4.647.017.341	5.276.286.363
	19.040.973.534	188.568.315.511



Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2016	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	1/1/2016	Dự phòng VND
		Giá gốc VND			Giá gốc VND	
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	trên 3 năm	5.516.183.019	5.516.183.019	trên 3 năm	5.516.183.019	5.516.183.019
Công ty Cổ phần Du lịch và Vận tải Dương Đông	trên 3 năm	-	-	trên 3 năm	1.938.228.647	1.846.428.831
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Sông Đào	trên 3 năm	328.000.000	328.000.000	trên 3 năm	328.000.000	328.000.000
Công ty Giao thông Vận tải Quyết Tiến	trên 3 năm	238.100.000	238.100.000	trên 3 năm	238.100.000	238.100.000
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	trên 3 năm	110.000.000	110.000.000	trên 3 năm	110.000.000	110.000.000
Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	trên 3 năm	1.330.893.473	1.330.893.473	trên 3 năm	1.330.893.473	1.330.893.473
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	trên 3 năm	379.608.500	379.608.500	trên 3 năm	379.608.500	379.608.500
Công ty Cổ phần Sản xuất Kính Quảng Ninh	trên 3 năm	157.200.000	157.200.000	trên 3 năm	157.200.000	157.200.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Quốc Huy	trên 3 năm	125.851.000	125.851.000	trên 3 năm	125.851.000	125.851.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Ngọc Vy	trên 3 năm	144.980.000	144.980.000	trên 3 năm	144.980.000	144.980.000
Các khoản nợ xấu và nợ khó đòi khác		1.252.687.435	1.252.687.435		721.745.771	721.745.771
		9.583.503.427	9.583.503.427		10.990.790.410	10.898.990.594

Hàng này không phải là tài sản

10. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh	10.000.000.000	10.000.000.000

Từ năm 2014, MHC tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tàu chở container với 5 đối tác, bao gồm: Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức, Công ty Cổ phần Transimex - Sài Gòn, Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An và Công ty Cổ phần Hàng Hải MACS. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, các bên cam kết cùng hợp tác tổ chức kinh doanh, cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, nếu có, từ hoạt động kinh doanh tàu chở container nói trên tương ứng với tỷ lệ vốn góp và các quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn tối thiểu của hợp đồng hợp tác kinh doanh là 5 năm và có thể được gia hạn thêm nếu các bên có thỏa thuận bằng văn bản.

Kết quả từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được theo dõi bởi Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An. Phần MHC được nhận theo Báo cáo kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh đầu tư và khai thác đội tàu container được lập bởi Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác theo báo cáo kiểm toán đề ngày 28 tháng 2 năm 2017 như sau:

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu (Thuyết minh 23)	29.532.336.538	32.752.024.287
Giá vốn (Thuyết minh 24)	(24.388.650.987)	(28.171.060.578)
Doanh thu hoạt động tài chính	101.935.892	-
Chi phí tài chính	(515.167.260)	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(106.051.980)	-
Thu nhập khác	118.563.458	-
Chi phí khác	(25.763.273)	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.717.202.388	4.580.963.709
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(947.558.550)	(1.025.857.401)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.769.643.838	3.555.106.308

11. Tài sản cố định hữu hình

	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	52.074.000	17.290.859.764	17.342.933.764
Tăng trong năm	34.575.008	1.104.360.481	1.138.935.489
Số dư cuối năm	86.649.008	18.395.220.245	18.481.869.253
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	52.074.000	12.975.686.665	13.027.760.665
Khấu hao trong năm	7.683.336	591.251.130	598.934.466
Số dư cuối năm	59.757.336	13.566.937.795	13.626.695.131
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	4.315.173.099	4.315.173.099
Số dư cuối năm	26.891.672	4.828.282.450	4.855.174.122

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 12.986 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 12.986 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.864 triệu VND (1/1/2016: 3.449 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của MHC (Thuyết minh 17).

12. Bất động sản đầu tư

	2016 Nhà cửa VND	2015 Nhà cửa VND (Phân loại lại)
Nguyên giá		
Số dư đầu năm và cuối năm	38.530.325.770	38.530.325.770
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	8.112.666.223	6.563.947.939
Khấu hao trong năm	1.548.718.284	1.548.718.284
Số dư cuối năm	9.661.384.507	8.112.666.223
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	30.417.659.547	31.966.377.831
Số dư cuối năm	28.868.941.263	30.417.659.547

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của MHC.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Kiên Giang	1.238.791.137	481.954.000
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	988.817.357	988.817.357
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu Chất đốt Hà Nội	886.856.980	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	405.150.000	405.150.000
ISS Machinery Services	436.072.267	410.127.160
Các nhà cung cấp khác	5.567.018.699	4.872.332.815
	9.522.706.440	7.158.381.332

(b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	988.817.357	988.817.357	988.817.357	988.817.357
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	405.150.000	405.150.000	405.150.000	405.150.000
ISS Machinery Services	436.072.267	436.072.267	410.127.160	410.127.160
Hãng Đăng kiểm Germanischer Lloyd	371.805.990	371.805.990	360.938.362	360.938.362
Howe Robinson Co. Ltd	298.479.803	298.479.803	299.882.998	299.882.998
Trường Cao Đẳng Hàng Hải	247.584.025	247.584.025	247.584.025	247.584.025
Các nhà cung cấp khác	1.132.428.173	1.132.428.173	1.133.118.768	1.133.118.768
	3.880.337.615	3.880.337.615	3.845.618.670	3.845.618.670

Các khoản nợ này đã quá hạn trên 3 năm (1/1/2016: quá hạn trên 3 năm).

14. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.591.362.829	1.436.516.346
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	3.717.519.351	574.072.153
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa</i>	<i>3.143.447.198</i>	-
<i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>	<i>574.072.153</i>	<i>574.072.153</i>

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.311.915.499
Thuế thu nhập cá nhân	164.169.889	185.731.740
Thuế giá trị gia tăng	47.758.868	47.758.868
	211.928.757	4.545.406.107

Biến động thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	1/1/2016 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã bù trừ VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	(1.388.757.478)	1.269.185.014	(1.424.031.497)	-	(1.543.603.961)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.311.915.499	21.838.867.396	(28.346.671.543)	(947.558.550)	(3.143.447.198)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(574.072.153)	-	-	-	(574.072.153)
Thuế thu nhập cá nhân	185.731.740	1.202.312.714	(1.223.874.565)	-	164.169.889
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
	2.534.817.608	24.316.365.124	(31.000.577.605)	(947.558.550)	(5.096.953.423)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí cước vận tải biển	1.039.571.623	1.017.771.123
Chi phí sửa chữa và bảo hiểm phương tiện	524.732.828	743.978.080
Chi phí lãi vay	152.109.589	-
Các khoản trích trước khác	945.885.329	915.835.758
	2.662.299.369	2.677.584.961

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội – công ty liên kết (*)	1.503.000.000	1.503.000.000
Các khoản phải trả đã quá hạn (*)	729.111.978	729.111.978
Các khoản phải trả, phải nộp khác	178.346.644	184.923.171
	2.410.458.622	2.417.035.149

(*) Các khoản nợ này đã quá hạn trên 3 năm (1/1/2016: quá hạn trên 3 năm).

17. Vay ngắn hạn

	1/1/2016 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2016 VND
Vay ngắn hạn	-	104.305.395.033	(93.248.163.831)	11.057.231.202
Vay dài hạn đến hạn trả	762.000.000	771.100.000	(762.000.000)	771.100.000
	762.000.000	105.076.495.033	(94.010.163.831)	11.828.331.202

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay hiện còn số dư như sau:

	Kỳ hạn	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay cá nhân	1 năm	VND	8%	2.000.000.000	-
Vay ký quỹ giao dịch chứng khoán (i)	3 tháng	VND	13,5%	9.057.231.202	-
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	3 năm	VND	8%	771.100.000	762.000.000
				11.828.331.202	762.000.000

- (i) Khoản vay được đảm bảo bằng chứng khoán do MHC nắm giữ với giá gốc là 20.461 triệu VND (Thuyết minh 6(a)).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.864 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 3.449 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Công ty Cổ phần MHC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	8.712.225.710	22.998.163.579	191.266.239.289
Phát hành cổ phiếu	135.553.940.000	4.677.670.000	-	-	-	140.231.610.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	112.422.883.688	112.422.883.688
Giảm khác	-	-	-	-	(3.372.771.406)	(3.372.771.406)
Số dư tại ngày 1/1/2016	271.109.080.000	28.679.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	132.048.275.861	440.547.961.571
Phát hành cổ phiếu	13.555.390.000	(65.000.000)	-	-	-	13.490.390.000
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(28.466.327.000)	(28.466.327.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	42.687.630.000	-	-	-	(42.687.630.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	59.636.632.107	59.636.632.107
Số dư tại ngày 31/12/2016	327.352.100.000	28.614.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	120.180.950.968	484.858.656.678

19. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của MHC là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	32.735.210	327.352.100.000	27.110.908	271.109.080.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	120	1.200.000	120	1.200.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	32.735.090	327.350.900.000	27.110.788	271.107.880.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của MHC. Các cổ đông được nhận cổ tức mà MHC công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của MHC. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được MHC mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	27.110.908	271.109.080.000	13.555.514	135.555.140.000
Phát hành cổ phiếu thu tiền	1.355.539	13.555.390.000	13.555.394	135.553.940.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.268.763	42.687.630.000	-	-
Số dư cuối năm	32.735.210	327.352.100.000	27.110.908	271.109.080.000

20. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

21. **Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của MHC đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền với giá trị là 28.466 triệu VND (10.000 VND trên một cổ phiếu) và 42.688 triệu VND cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100 : 15).

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2016 và 1/1/2016 VND
Bransford International Ltd	Nợ đọng kéo dài	2013	1.510.085.635
Công ty TNHH Đèn hình Orion Hanel	Doanh nghiệp phá sản	2012	1.007.000.000
Far Shipping Lines Pte Ltd	Nợ đọng kéo dài	2013	832.800.000
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	Nợ đọng kéo dài	2012	353.441.000
Obayashi Corporation	Nợ đọng kéo dài	2013	671.955.900
Các khoản nợ khó đòi khác	Nợ đọng kéo dài	2012	1.406.380.106
			5.781.662.641

23. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu vận tải	23.258.078.317	25.170.356.864
Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến	15.824.680.826	4.116.042.528
Doanh thu được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 10)	29.532.336.538	32.752.024.287
Doanh thu dịch vụ khác	3.310.967.209	5.980.867.334
		68.019.291.013
		71.926.062.890

24. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	22.088.665.431	24.299.690.581
Giá vốn cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến	14.436.260.179	6.947.692.448
Giá vốn được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 10)	24.388.650.987	28.171.060.578
Giá vốn dịch vụ khác	1.847.378.871	1.863.626.204
		61.282.069.811
		62.760.955.468

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	10.918.428.846	3.674.037.095
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	105.858.027.578	76.348.235.887
Cổ tức được chia (Thuyết minh 29)	10.847.355.500	1.378.968.500
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	51.572.191	60.397.927
	127.675.384.115	81.461.639.409

26. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	2.274.581.890	1.177.278.572
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	10.917.769.481	11.067.940.412
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	31.856.924.459	1.179.011.980
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	97.534.652	1.096.376
Chi phí tài chính khác	969.654.767	304.704.526
	46.116.465.249	13.730.031.866

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	4.754.089.870	4.313.531.739
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(22.157.953)	98.424.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.457.162.027	1.227.676.643
Chi phí khác	1.303.176.875	1.276.861.838
	8.492.270.819	6.916.494.287

28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân công và nhân viên	12.649.861.222	10.447.775.457
Chi phí khấu hao	2.147.652.750	2.157.403.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.383.027.518	22.538.521.888
Chi phí bằng tiền khác	8.037.051.297	4.883.803.133
Chi phí phân bổ từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 10)	25.035.633.500	28.171.060.578

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	20.847.782.801	4.648.702.953
Thuế thu nhập doanh nghiệp được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	947.558.550	1.025.857.401
Thuế thu nhập doanh nghiệp trích lập thiếu trong năm trước	43.526.045	200.583.045
	21.838.867.396	5.875.143.399

(b) **Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	81.475.499.503	118.298.027.087
Thuế tính theo thuế suất của MHC	16.295.099.901	26.025.565.959
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	12.211.681	55.037.444
Ảnh hưởng của thu nhập không chịu thuế (*)	(2.169.471.100)	(4.578.932.270)
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(18.895.539.399)
Ảnh hưởng của chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	7.652.369.842	3.068.428.620
Thuế thu nhập doanh nghiệp trích lập thiếu trong năm trước	43.526.045	200.583.045
	21.833.736.369	5.875.143.399
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	5.131.027	-
	21.838.867.396	5.875.143.399

(*) Cổ tức được chia trong năm 2016 với số tiền là 10.847.355.500 VND (Thuyết minh 25) (2015: 20.813.328.500 VND).

(c) **Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20% cho năm 2016 (2015: 22%).

(d) **Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận cho các khoản mục sau:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Lỗi tính thuế	25.655.136	5.131.027	-	-

Công ty Cổ phần MHC**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ 31/12/2016 VND	Số lỗ được khấu trừ 31/12/2015 VND
2021	Chưa quyết toán	25.655.136	-

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với khoản lỗ tính thuế bởi vì công ty con không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2016 VND	2015 VND (điều chỉnh lại)	2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Lợi nhuận sau thuế	59.636.632.107	112.422.883.688	112.422.883.688
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(350.000.000)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	59.636.632.107	112.072.883.688	112.422.883.688

(*) Tại ngày báo cáo, MHC chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm tiếp theo. Nếu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016 VND	2015 VND (điều chỉnh lại)	2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	27.110.908	15.588.841	13.555.514
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trong năm	5.212.070	12.933.484	11.246.508
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	32.322.978	28.522.325	24.802.022

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, MHC không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

(iii) *Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

	2016 VND	2015 VND (điều chỉnh lại)	2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.845	3.929	4.533

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Số dư tại ngày	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Quân lý và Kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội</i>		
Phải trả khác	1.503.000.000	1.503.000.000

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.114.800.000	426.850.000
Nhận tiền gốc vay - Ông Hoàng Duy Anh	-	100.000.000
Trả tiền gốc vay - Ông Hoàng Duy Anh	-	2.900.000.000
Chi phí lãi vay - Ông Hoàng Duy Anh	-	56.600.000
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao	503.466.667	534.154.839
Nhận và trả tiền gốc vay - Ông Chu Nguyên Bình	-	5.000.000.000
Chi phí lãi vay - Ông Chu Nguyên Bình	-	35.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	132.000.000	120.313.978

30/10/2017
CÔNG
RÁCH NHỊ
KP
V TỰ LIỆ

32. Các khoản tiềm ẩn

Như trình bày tại Thuyết minh 13(b) và Thuyết minh 16, MHC có các khoản nợ phải trả đã quá hạn trên 3 năm. Điều này có thể làm phát sinh lãi phạt phải trả, các nghĩa vụ pháp lý và nghĩa vụ thuế của MHC. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, MHC chưa xác định được ảnh hưởng của các nghĩa vụ này.

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền phạt và tính lãi chậm nộp. Ban Giám đốc tin rằng MHC đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế Việt Nam. Tuy nhiên, các cơ quan hữu quan có thể có những cách diễn giải luật khác nhau và điều này có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến số thuế phải nộp của MHC.

33. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Như mô tả tại Thuyết minh 6, MHC trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh theo giá bình quân tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom). Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị thị trường của các khoản đầu tư vào cổ phiếu UpCom của MHC là 60.070 triệu VND thể hiện khoản giảm giá 8.020 triệu VND so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, chi tiết như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày 31/12/2016 VND	Giá trị thị trường tại ngày 25/3/2017 VND	Mức suy giảm giá trị VND
Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM (DDV)	47.989.971.600	44.169.540.900	3.820.430.700
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia (SLC)	20.100.000.000	15.900.000.000	4.200.000.000
	68.089.971.600	60.069.540.900	8.020.430.700



34. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Mã số	1/1/2016 (phân loại lại) VND	1/1/2016 (theo báo cáo trước đây) VND
Tài sản cố định hữu hình	221	4.315.173.099	34.732.832.646
<i>Nguyên giá</i>	222	17.342.933.764	55.873.259.534
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(13.027.760.665)	(21.140.426.888)
Bất động sản đầu tư	230	30.417.659.547	-
<i>Nguyên giá</i>	231	38.530.325.770	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232	(8.112.666.223)	-

Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Lê Thị Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đặng Tiến Thành
Tổng Giám đốc